

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Nhà văn hóa Tổ dân phố 1, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim A; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q; địa chỉ: Thôn P1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị A và anh Q đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2021 và bản tự khai ngày 12/10/2021, nguyên đơn chị Trần Thị Kim A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q tìm hiểu, thương yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 01/2008. Đến ngày 02/02/2009 chị và anh Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh Q không quan tâm đến gia đình, vợ con; tiền bạc anh Q đi làm kiếm được thì anh Q không đưa cho chị để

lo cho con, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình, nuôi con đều do một mình chị lo. Do không thể sống chung với anh Q được nữa nên vào tháng 02/2010 chị ôm con về nhà cha mẹ đẻ của chị sống. Từ khi chị về nhà cha mẹ đẻ sống thì anh Q cũng không quan tâm, không động viên chị trở về chung sống. Từ đó đến nay chị và anh Q sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, một mình chị lo làm việc kiếm tiền nuôi con. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia M, sinh ngày 07/02/2009. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ngày 26/11/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh và chị Trần Thị Kim A tự nguyện yêu thương nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 02/02/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều quan điểm không hợp nhau, cuộc sống không hòa hợp nên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Chị A ôm con về nhà cha mẹ đẻ ở thôn P, xã Đ sống từ tháng 02/2010. Từ đó đến nay anh và chị A sống ly thân, cuộc sống phần ai nấy lo, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Kim A có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia M, sinh ngày 07/02/2009. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị A nên khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim A. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim A được ly hôn anh Nguyễn Văn Q; về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Gia M, sinh ngày 07/02/2009 cho chị A trực tiếp nuôi; buộc anh Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh Q trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Trần Thị Kim A khởi kiện thì anh Nguyễn Văn Q đang cư trú tại Thôn P1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim A là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Kim A và bị đơn anh Nguyễn Văn Q đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 02/02/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; chị A và anh Q đã sống ly thân từ tháng 02/2010 đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, cả chị A và anh Q đều không muốn tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân nên chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn và anh Q cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa chị A và anh Q không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim A, cho chị A được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, có căn cứ xác định chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia M, sinh ngày 07/02/2009. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị A yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Trần Thị Kim A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay con chung của chị A và anh Q là cháu Nguyễn Trần Gia M đang sống cùng với chị A, do chị A trực tiếp chăm sóc và cháu Mẫn cũng có nguyện

vọng được sống với mẹ. Mặt khác, tại bản trình bày ngày 26/11/2021 anh Q cũng đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt cho con chung của chị A và anh Q, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, giao con chung Nguyễn Trần Gia M cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim A yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng cho con của chị A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc chị A yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với ý kiến của anh Nguyễn Văn Q tại bản trình bày ngày 26/11/2021 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Kim A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị A đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị A phải chịu.

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ của người cấp dưỡng theo định kỳ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim A được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia M, sinh ngày 07/02/2009. Giao con chung Nguyễn Trần Gia M cho chị Trần Thị Kim A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Trần Gia M mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/12/2021) cho đến khi con chung Nguyễn Trần Gia M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Kim A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000010 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong